

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2026/HC- PT

Ngày: 09/9/2026

V/v “*Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Hằng;

Các Thẩm phán : Ông Nguyễn Văn Phương

Bà Đỗ Thu Hương

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Đỗ Mạnh Huy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa:** bà Nguyễn Thị Hoà- Kiểm sát viên.

Ngày 9 tháng 9 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Điện Biên mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án Hành chính thụ lý số 02/2026/TLPT-HC ngày 11 tháng 8 năm 2026 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”, do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2026/HC-ST ngày 06 tháng 7 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Điện Biên.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 02/2026/QĐ-PT ngày 21 tháng 8 năm 2026, giữa các đương sự:

* **Người khởi kiện:** Ông **Tòng L**; sinh năm 1986; địa chỉ thường trú: Tổ dân phố Z, phường M, tỉnh Điện Biên (có mặt).

- **Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện:** Ông **Tòng Văn L1**; sinh năm 1960; địa chỉ thường trú: Tổ dân phố Z, phường M, tỉnh Điện Biên (có mặt).

* **Người bị kiện:**

- **Chủ tịch UBND phường M, tỉnh Điện Biên;** người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Văn H - chức vụ: Chủ tịch; người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn S - Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND phường M; địa chỉ: Bản P, phường M, tỉnh Điện Biên (vắng mặt).

- **Chủ tịch UBND phường Đ, tỉnh Điện Biên;** người đại diện theo pháp luật: ông Hà Thanh T - chức vụ: Chủ tịch; người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Công C - Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND phường Đ; địa chỉ: Tổ X (nay là tổ dân phố H), phường Đ, tỉnh Điện Biên (vắng mặt).

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ban Quản lý dự án và phát triển quỹ đất khu vực 1 - UBND tỉnh Điện Biên (*Chấm dứt hoạt động từ ngày 15/04/2026 theo Quyết định số: 508/QĐ-UBND ngày 27/03/2026 của UBND tỉnh Điện Biên về việc kết thúc hoạt động của 05 Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ*

đất khu vực thuộc UBND tỉnh).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng:

- **Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Điện Biên;** người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Ngọc T1 - chức vụ: Quyền Giám đốc; địa chỉ: Số X, đường V, phường Đ, tỉnh Điện Biên (vắng mặt).

- **Ban Quản lý dự án các công trình giao thông;** người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Minh T2 - chức vụ: Giám đốc; địa chỉ: Tổ X (nay là tổ dân phố H), phường Đ, tỉnh Điện Biên (vắng mặt).

Người kháng cáo: người khởi kiện ông Tòng L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện ông Tòng L, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông Tòng Văn L1 trình bày:

Năm 2025, Ủy ban nhân dân thành phố Đ ban hành các quyết định thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và giao đất cho ông Tòng L để thực hiện dự án: Xây dựng khu, điểm tái định cư khu trung tâm, chính trị hành chính tỉnh Điện Biên. Cho rằng các quyết định trên vi phạm về thẩm quyền, trình tự, thủ tục và nội dung, xâm phạm quyền lợi hợp pháp của mình, ông Tòng L khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy 03 Quyết định hành chính, cụ thể:

* Đối với Quyết định số 479/QĐ-UBND ngày 31/3/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Đ về việc thu hồi đất của ông Tòng L tại phường N, thành phố Đ để thực hiện dự án: Xây dựng khu, điểm tái định cư khu trung tâm, chính trị hành chính tỉnh Điện Biên:

- *Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục:* Ủy ban nhân dân thành phố Đ ban hành Quyết định 479 không đúng thẩm quyền mà phải thuộc thẩm quyền cấp tỉnh hoặc phải có phân cấp, ủy quyền. Căn cứ pháp lý thiếu chính xác khi viện dẫn Kế hoạch sử dụng đất năm 2024; mâu thuẫn thời gian lập hồ sơ tại mảnh trích đo lập năm 2024 nhưng phường xác nhận và Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt năm 2023; bóc thăm năm 2025 nhưng phê duyệt năm 2023; bồi thường cho người đã chết (bà Phí Thị Tơ); không có hồ sơ kỹ thuật (mảnh trích đo, biên bản kiểm kê) khi ban hành quyết định; thủ tục niêm yết công khai chưa đảm bảo.

- *Về nội dung:* Xác định loại đất thu hồi là đất rừng sản xuất là không đúng thực tế sử dụng và quy hoạch chi tiết dự án, thực tế đất thu hồi của gia đình ông L là đất nương và đất ở.

* Đối với Quyết định số 745/QĐ-UBND ngày 06/5/2025 của UBND thành phố Đ về việc phê duyệt phương án bổ sung bồi thường, hỗ trợ cho hộ gia đình ông Tòng L có đất bị thu hồi thuộc dự án: Đầu tư xây dựng khu, điểm tái định cư khu trung tâm chính trị hành chính tỉnh Điện Biên địa phận: Bản N, phường N:

- *Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục:* Ủy ban nhân dân thành phố Đ viện dẫn Luật Tổ chức chính quyền địa phương ban hành ngày 19/02/2025; mảnh trích đo địa chính được xác nhận ngày 21/05/2025 (sau ngày ban hành Quyết định 745); người khởi kiện chưa nhận được biểu chi tiết bồi thường.

- *Về nội dung:* Số tiền bồi thường 60.207.514 đồng là quá thấp; chưa đền bù nhà cửa, chuồng trại xây dựng năm 2019; áp dụng đơn giá bồi thường đất, tài sản, cây trồng vật nuôi theo các văn bản cũ đã hết hiệu lực; bỏ sót các chính sách hỗ

trợ bắt buộc theo các điều 11, 102, 103, 104, 108, 109, 110 Luật Đất đai 2024 (hỗ trợ ổn định đời sống, đào tạo chuyển đổi nghề nghiệp...).

* Đối với Quyết định số 57/QĐ-UBND ngày 26/6/2025 của UBND thành phố Đ về việc giao đất cho ông Tòng L tại Điểm TĐC số 2, phường Him Lam, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên:

- Người khởi kiện không đồng ý hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất và giá đất tính theo Quyết định 55/2024/QĐ-UBND; đề nghị miễn, giảm tiền sử dụng đất do người khởi kiện thuộc đối tượng người dân tộc thiểu số và là người khuyết tật;

- Quyết định số 57 có sai sót về địa danh bàn giao mốc giới (ghi phường T thay vì phường H); việc giao quyết định chậm trễ (tháng 11/2025 mới nhận được). Quyết định này còn có sự mâu thuẫn về nội dung như việc giao đất tái định cư theo Điều 111 Luật Đất đai 2024 thừa nhận hộ dân bị thu hồi đất ở và mất chỗ ở, mâu thuẫn với Quyết định 479 xác định đất thu hồi là đất rừng sản xuất.

Quá trình giải quyết vụ án, người bị kiện trình bày:

UBND thành phố Đ, tỉnh Điện Biên kết thúc hoạt động kể từ ngày 01/7/2025 theo quy định tại khoản 3 Điều 51 Luật tổ chức chính quyền địa phương ban hành ngày 16/6/2025. Căn cứ các quy định của pháp luật, Tòa án xác định người bị kiện trong vụ án này là Chủ tịch UBND phường M, tỉnh Điện Biên và Chủ tịch UBND phường Đ, tỉnh Điện Biên.

- Ý kiến của Chủ tịch UBND phường M: Căn cứ quy định tại Điều 83, Điều 87 Luật đất đai năm 2024 thì việc UBND thành phố Đ ban hành 02 quyết định số 479/QĐ-UBND ngày 31/3/2025 và quyết định số 745/QĐ-UBND ngày 06/05/2025 được thực hiện theo đúng thẩm quyền và đúng trình tự, thủ tục của pháp luật về đất đai. Ông Tòng L yêu cầu hủy 02 Quyết định này là không có cơ sở.

- Ý kiến của Chủ tịch UBND phường Đ: Ủy ban nhân dân phường Đ đã cung cấp các tài liệu chứng cứ liên quan đến thủ tục giao đất theo Quyết định số 57/QĐ-UBND ngày 26/06/2025 của UBND thành phố Đ, đề nghị Tòa án căn cứ vào các hồ sơ, giấy tờ, tài liệu, chứng cứ hiện có để xử lý theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ban Quản lý dự án và phát triển quỹ đất khu vực 1: Đơn vị đã thực hiện các thủ tục chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (bao gồm: hỗ trợ khác về đất, hỗ trợ khác về tài sản vật kiến trúc, hỗ trợ khác về chính sách hỗ trợ) đối với ông Tòng L theo các Quyết định số 2532/QĐ-UBND ngày 18/12/2024 của UBND thành phố Đ phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho 06 hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi để thực hiện dự án: Xây dựng khu, điểm tái định cư khu trung tâm, chính trị hành chính tỉnh Điện Biên (Lò Thị P; Nguyễn Văn D; Vi Văn C1 - Lò Thị T3; Lò Văn K - Lò Thị X; Lò Văn Đ và những người thuộc hàng thừa kế; Tòng L, 01 mộ) và Quyết định số 745/QĐ-UBND ngày 06/5/2025 của UBND thành phố Đ. Đến nay, ông Tòng L chưa nhận tiền bồi thường, hỗ trợ theo các quyết định phê duyệt phương án nêu trên và chưa bàn giao mặt bằng để thực hiện dự án.

Ban Quản lý dự án các công trình giao thông: Đến nay, ông Tòng L chưa nhận tiền bồi thường, hỗ trợ theo các quyết định phê duyệt phương án số

2532/QĐ-UBND ngày 18/12/2024 của UBND thành phố Đ và Quyết định số 745/QĐ-UBND ngày 06/05/2025 của UBND thành phố Đ. Đề nghị Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Điện Biên, tỉnh Điện Biên căn cứ vào các tài liệu chứng cứ liên quan giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Điện Biên: Đến nay, ông Tòng L chưa bàn giao mặt bằng để thực hiện dự án. Đề nghị Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Điện Biên, tỉnh Điện Biên căn cứ vào các tài liệu chứng cứ liên quan giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2026/HC-ST ngày 06/7/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 2 đã quyết định:

Căn cứ khoản 1, khoản 2 điều 3; khoản 1 điều 30; khoản 1 điều 31; khoản 2 điều 59; khoản 1 điều 115; điểm a khoản 2 điều 116; điểm b khoản 2 điều 157; khoản 1 điều 158; điểm a khoản 2 điều 193; các điều 204, 205, 206; khoản 1 Điều 348 Luật tổ tụng Hành chính; khoản 1 điều 5; khoản 1 điều 10; khoản 3 điều 11; khoản 1 điều 31; điểm a khoản 2 điều 83; các điều 85, 87, 89, 91, 95, 96; khoản 4 Điều 101; khoản 2 Điều 105; khoản 2 điều 108; điều 109; khoản 5 điều 111; điểm a khoản 3 điều 116; khoản 3 điều 118; khoản 1 điều 119; điểm b khoản 1 điều 121; điểm a khoản 2 điều 123; điều 124; khoản 6 điều 138; điều 157; khoản 1 Điều 257 Luật đất đai năm 2024; điểm b, d, m khoản 1 Điều 5 Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; các điều 3, 4, 5, 12, 22, 28 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; khoản 1 Điều 7; Điều 53 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; các điều 18, 19 Nghị định 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; khoản 44, 45 Điều 1 Nghị quyết 1661/NQ-UBTVQH15 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Điện Biên năm 2025; khoản 2 Điều 8 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của Tòa án nhân dân; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 3 Điều 15; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Tòng L về việc huỷ 03 Quyết định, cụ thể:

- Quyết định số 479/QĐ-UBND ngày 31/3/2025 của UBND thành phố Đ về việc thu hồi đất của ông Tòng L tại phường N, thành phố Đ để thực hiện dự án: Xây dựng khu, điểm tái định cư khu trung tâm, chính trị hành chính tỉnh Điện Biên;

- Quyết định số 745/QĐ-UBND ngày 06/5/2025 của UBND thành phố Đ về việc phê duyệt phương án bổ sung bồi thường, hỗ trợ cho hộ gia đình ông Tòng L có đất bị thu hồi thuộc dự án: Đầu tư xây dựng khu, điểm tái định cư khu trung tâm chính trị hành chính tỉnh Điện Biên địa phận: Bản N, phường N;

- Quyết định số 57/QĐ-UBND ngày 26/6/2025 của UBND thành phố Đ về việc giao đất cho ông Tòng L tại Điểm TĐC số 2, phường Him Lam, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 20/7/2026, ông Tòng L làm đơn kháng cáo yêu cầu sửa toàn bộ Bản án sơ thẩm nêu trên theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện. Trường hợp không có căn cứ để sửa bản án thì hủy toàn bộ bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm:

Đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện không cung cấp thêm tài liệu gì mới, giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, quan điểm đã trình bày tại cấp sơ thẩm đồng thời giữ nguyên nội dung kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án Hành chính sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm, Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

Đơn kháng cáo của người khởi kiện trong hạn luật định, đủ điều kiện nên được xem xét theo thủ tục xét xử phúc thẩm.

- Về hình thức quyết định: Các quyết định bị kiện nêu trên đảm bảo về hình thức.

- Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, thời hạn ban hành quyết định: UBND thành phố Đ ban hành các quyết định trên đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định.

- Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của người kháng cáo tại phiên toà phúc thẩm. Thấy rằng các Quyết định của người bị kiện đã ban hành là đúng quy định của pháp luật nên người khởi kiện yêu cầu hủy quyết định bị kiện là không có cơ sở. Do đó Toà án cấp sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là có căn cứ.

Tại phiên Toà phúc thẩm người kháng cáo không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ gì mới làm thay đổi bản chất vụ án. Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 điều 241 Luật Tố tụng hành chính. Bác kháng cáo của người khởi kiện giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2026/HC-ST ngày 06/7/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 2.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử thấy:

*** Về tố tụng:**

[1] Đơn kháng cáo của người kháng cáo làm trong hạn luật định và thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên toà phúc thẩm: vắng mặt người bị kiện và người kế thừa tố tụng của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Nhận thấy người bị kiện và người kế thừa tố tụng của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt đều

không kháng cáo, không bị kháng nghị và đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ đề nghị đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện, Kiểm sát viên tham gia phiên toà. Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 4 Điều 225 Luật Tổ tụng hành chính.

*** Về nội dung:**

[1] đối tượng khởi kiện, quyền khởi kiện, thẩm quyền giải quyết và thời hiệu khởi kiện Toà án nhân dân Khu vực 2 - Điện Biên đã xác định đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện, quyền khởi kiện đúng theo quy định tại Khoản 1 Điều 30, Điều 31, Điều 32, Điều 32a; Khoản 1 Điều 115, điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tổ tụng hành chính.

[2] Xét kháng cáo của người khởi kiện về việc đề nghị sửa bản án Hành chính sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng, người khởi kiện ông Tòng L kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đánh giá chứng cứ không khách quan, bỏ qua các lỗi vi phạm về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành Quyết định và áp dụng sai bảng giá bồi thường. Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét chi tiết từng vấn đề như sau:

[3] Về tính hợp pháp về thẩm quyền, căn cứ pháp lý ban hành các Quyết định bị kiện:

- Về thẩm quyền thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường và giao đất: Dự án "*Xây dựng khu, điểm tái định cư khu trung tâm, chính trị hành chính tỉnh Điện Biên*" đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên phê duyệt chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 82/NQ-HĐND ngày 02/4/2022 và phù hợp với Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của thành phố Đ đã được UBND tỉnh Điện Biên phê duyệt tại Quyết định số 1248/QĐ-UBND ngày 09/7/2024. Đây là dự án thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng quy định tại khoản 27 Điều 79 Luật Đất đai năm 2024.

UBND thành phố Đ ban hành các Quyết định số 479/QĐ-UBND (thu hồi đất), Quyết định số 745/QĐ-UBND (bồi thường bổ sung) và Quyết định số 57/QĐ-UBND (giao đất) dựa trên Quyết định uỷ quyền số 1252/QĐ-UBND ngày 18/07/2022 của UBND tỉnh Điện Biên. Việc ban hành các quyết định này là đúng thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 2 Điều 83, điểm c khoản 3 Điều 87 và điểm a khoản 2 Điều 123 Luật Đất đai năm 2024.

- Về trình tự, thủ tục ban hành và hình thức văn bản:

Hồ sơ vụ án thể hiện: Ngày 19/07/2022, UBND thành phố Đ ban hành Thông báo thu hồi đất số 1415/TB-UBND và Kế hoạch thu hồi đất số 1417/KH-UBND; ngày 23/07/2022 đã tổ chức họp dân công khai. Các ngày 04/08/2022 và 20/05/2024, UBND phường Noong Bua phối hợp cùng các đơn vị chuyên môn tiến hành điều tra, đo đạc, kiểm đếm thực địa có sự tham gia, ký biên bản xác nhận của hộ ông Tòng L. Việc niêm yết công khai phương án bồi thường, lập tờ trình thẩm định đều tuân thủ đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 83, điều 85, 87, 91, 95, điểm a khoản 3 Điều 116, khoản 1 Điều 119, điểm a khoản 2 Điều 123, Điều 124 Luật đất đai năm 2024; khoản 1, khoản 2 Điều 17 Nghị định số 43/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết một số điều của Luật đất đai; Điều 3, 4, 5, 12, 28 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất.

[4] Về sai sót kỹ thuật và chính tả: Tại các quyết định bị kiện có một số sai sót về lỗi chính tả (như trích dẫn năm Luật Tổ chức chính quyền địa phương, ghi nhầm tên "*UBND phường Thanh Trường*" thay vì "*phường Him Lam*" tại mục 8 Điều 2 Quyết định 57). Xét thấy, lỗi này là lỗi khi đánh máy văn bản, không làm thay đổi bản chất của việc thu hồi đất, không làm sai lệch vị trí, diện tích đất, không xâm phạm đến quyền và nghĩa vụ hợp pháp của ông Tòng L. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện các sai sót này không làm ảnh hưởng đến tính hiệu lực pháp lý của quyết định hành chính là hoàn toàn có căn cứ.

[5] Về giá bồi thường, tài sản trên đất và các chính sách hỗ trợ:

Về nguồn gốc sử dụng đất: 04 thửa đất thu hồi của hộ ông Tòng L có nguồn gốc khai hoang, chuyển đổi và được ông Tòng L sử dụng ổn định từ năm 2011 và năm 2013. Các thửa 15+ 16 + 94 năm 2013 ông Lò Văn Phiết chuyển cho ông L canh tác, dựng nhà tranh trên đất. Thửa số 54 + 100 do ông Lò Văn Hặc, bà Cà Thị Muôn khai hoang, cho ông Tòng Văn L1 năm 1983, năm 2011 ông L1 cho ông L canh tác và sử dụng. Các thửa đất trên chưa đăng ký kê khai quyền sử dụng đất với cơ quan nhà nước có thẩm quyền, không có giấy tờ về quyền sử dụng đất, không thuộc diện được Nhà nước giao, cho thuê hoặc giao khoán.

Về xác định loại đất bị thu hồi: Người khởi kiện cho rằng 04 thửa đất bị thu hồi phải là đất nương và đất ở. Tuy nhiên, căn cứ hồ sơ địa chính, sổ mục kê và hiện trạng quản lý sử dụng đất do cơ quan chuyên môn xác minh, diện tích đất thu hồi của hộ ông Tòng L thuộc loại đất rừng sản xuất. Tại Biên bản kiểm tra đất nhà công trình xây dựng cây trồng vật nuôi trên đất của Ủy ban nhân dân phường Noong Bua đối với 04 thửa đất của gia đình nhà ông L trên các thửa đất bị thu hồi trồng chủ yếu là các cây lâm nghiệp (cây lấy gỗ), ngoài ra có trồng xen canh một số cây hàng năm như chuối, gừng, sắn và một số cây ăn quả như đu đủ, mít, nhãn, xoài, bưởi... Những căn cứ trên phù hợp với quy định tại Phụ lục số 01 Giải thích xác định loại đất, loại đối tượng sử dụng đất, loại đối tượng quản lý đất, ban hành kèm theo Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14/12/2018 của Bộ Tài nguyên và môi trường: "*Trường hợp các loại cây lâu năm đã trồng trên đất thuộc quy hoạch lâm nghiệp mà phù hợp với quy định của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn thì vẫn thống kê, kiểm kê vào đất lâm nghiệp*". Do đó, việc UBND thành phố Đ áp giá bồi thường theo loại đất rừng sản xuất là đúng thực tế quản lý sử dụng và đúng quy định pháp luật về đất đai.

- Đối với công trình nhà ở, chuồng trại do ông Tòng L khai báo xây dựng năm 2019 và các tài sản khác, cơ quan bồi thường đã áp dụng đúng Bảng giá đất và Đơn giá bồi thường tài sản, cây trồng do UBND tỉnh Điện Biên ban hành đang có hiệu lực tại thời điểm phê duyệt phương án (Quyết định số 745/QĐ-UBND và Quyết định số 2532/QĐ-UBND), phù hợp với quy định tại Điều 95, Điều 102 Luật Đất đai năm 2024 và Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/07/2024 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

- Đối với việc ông L tự ý xây dựng nhà trên đất chưa có giấy tờ sử dụng đất, nằm trong quy hoạch đất rừng sản xuất, không được cơ quan có thẩm quyền cho phép chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở, không được cấp phép xây dựng, do vậy ông L không được bồi thường đối với phần diện tích đất có tài sản được tạo lập trái quy định

[6] Về chính sách tái định cư tại Quyết định số 57: Việc Ủy ban nhân dân thành phố Đ bố trí giao đất tái định cư có thu tiền sử dụng đất tại phường Him Lam là sự xem xét, áp dụng chính sách hỗ trợ tối đa tạo điều kiện về chỗ ở cho công dân. Người khởi kiện yêu cầu miễn giảm tiền sử dụng đất do là người dân tộc thiểu số, người khuyết tật: Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy yêu cầu này là không có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ ông Tòng L là người được giao đất tái định cư và là người dân tộc thiểu số nhưng không sinh sống tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, biên giới hoặc hải đảo, thì không thuộc trường hợp được miễn, giảm tiền sử dụng đất theo điểm b khoản 1 Điều 18 Nghị định 103/2024/NĐ-CP. Mặt khác, theo Điều 18 Nghị định 103/2024/NĐ-CP thì người khuyết tật không thuộc đối tượng được miễn giảm tiền sử dụng đất. Vì vậy, việc ông Tòng L yêu cầu được miễn giảm tiền sử dụng đất là không có căn cứ chấp nhận. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này của ông L là có căn cứ.

[7] Đối với nội dung kháng cáo về việc Tòa án từ chối các yêu cầu của người khởi kiện về việc xem xét, thẩm định tại chỗ do việc cưỡng chế thu hồi đất làm thay đổi hiện trạng tài sản gắn liền với đất. Trong trường hợp này, người khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy 03 quyết định 479, 745, 57 về việc thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ tái định cư và giao đất, không khởi kiện đối với các quyết định cưỡng chế. Việc đo đạc, kiểm đếm diện tích đất và tài sản trên đất bị thu hồi làm căn cứ ban hành 03 quyết định trên đã thực hiện xong, việc thay đổi hiện trạng tài sản gắn liền với đất sau khi cưỡng chế xảy ra sau khi cơ quan nhà nước ban hành 03 quyết định trên, không ảnh hưởng đến tính pháp lý của các quyết định bị kiện, nên việc Tòa án sơ thẩm không xem xét giải quyết yêu cầu thẩm định tại chỗ sau cưỡng chế là có căn cứ.

[8] Với các lập luận và đánh giá nêu trên của Tòa án cấp sơ thẩm phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm bác các yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là có căn cứ.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, mặc dù người kháng cáo không cung cấp tài liệu, chứng cứ mới, nhưng HĐXX phúc thẩm đã xem xét toàn bộ nội dung kháng cáo, hồ sơ vụ án và các chứng cứ đã thu thập tại cấp sơ thẩm, thấy rằng bản chất vụ án không thay đổi.

Do đó, kháng cáo của người khởi kiện là không có căn cứ, cần bác kháng cáo của người khởi kiện. Áp dụng khoản 1 điều 241 Luật tổ tụng hành chính, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2026/HC-ST ngày 06/7/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Điện Biên.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tại phiên tòa phúc thẩm là có cơ sở, được chấp nhận.

[9] Về án phí phúc thẩm: Căn cứ theo quy định tại điều 349 Luật tổ tụng hành chính. Kháng cáo của người khởi kiện không được chấp nhận nên phải chịu án phí hành chính phúc thẩm, nhưng ông Tòng L có đơn xin miễn án phí và được chấp nhận theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 3 Điều 15; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241, Điều 349 Luật Tổ tụng hành chính 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 3 Điều 15; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện ông Tòng L; giữ nguyên quyết định của bản án Hành chính sơ thẩm số 02/2026/HC-ST ngày 06/7/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Điện Biên.

2. Về án phí phúc thẩm: Ông Tòng L được miễn án phí.

3. Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (09/9/2026).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- TAND khu vực 2- Điện Biên;
- VKSND khu vực 2- Điện Biên;
- THADS tỉnh Điện Biên;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Thị Thu Hằng